

Bản án số: 136/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/8/2017.

V/v tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đặng Thị Kim Xuyên.

Ông Võ Lâm Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị Cẩm T, sinh năm 1985; (có mặt).

Cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh A.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978; (có mặt).

Cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Cao Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông H đám cưới vào năm 2006, hôn nhân do mai mối và tìm hiểu khoảng vài tháng thì tổ chức đám cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, lý do ông H lừa dối về tiền bạc. Nay nhận thấy tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn H T, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2007 đang sống với ông H và Nguyễn Thị K A, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2012 đang sống với bà. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông H tiếp tục nuôi cháu T và bà không cấp dưỡng nuôi con; bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K A và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với bà T về thời gian đám cưới. Giữa ông và bà T không có xảy ra mâu thuẫn gì cả. Vợ chồng đang sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bà T tự ý bỏ nhà đi cho đến nay. Vì 02 con còn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Ông xin Tòa án cho ông thời gian 15 (mười lăm) ngày để ông về hàn gắn tình cảm với bà T. Mặc dù ông không hàn gắn được tình cảm với bà T nhưng ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Trường hợp bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Ông chỉ đồng ý ly hôn nếu bà T để ông tiếp tục nuôi cả 02 con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị T và anh H kết hôn năm 2006, và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không rõ ràng về tiền bạc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H. Anh H không đồng ý và cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, thời gian chị T khởi kiện ly hôn và Tòa án đã ấn định thời gian để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng cả hai không tạo điều kiện và chị T xác

định không còn tình cảm với anh H, nếu buộc trở lại sống chung thì không đem đến hạnh phúc, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn H T sinh ngày 16/8/2007 đang sống với anh H, chị T đồng ý để anh H nuôi cháu T và nguyện vọng của cháu T muốn sống với anh H. Riêng, cháu Nguyễn Thị K A, sinh ngày 09/10/2012 đang sống với chị T, chị T yêu cầu được nuôi cháu K A, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H không đồng ý.

Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân đến nay cháu K A đang sống ổn định với chị T, vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Để ổn định cuộc sống cho cháu Anh nghĩ nên để chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy cháu K A. Do chị T và anh H không có yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà T khởi kiện ông H, ông H có nơi cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh A, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà T và ông H có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 198 ngày 01 tháng 10 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông H không rõ ràng về tiền bạc của vợ chồng và vợ chồng không còn sống chung từ năm 2014 đến nay. Xét thấy, ông H và bà T không còn sống chung khoảng 03 năm nay nên vợ chồng không thể thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan tâm lẫn nhau, giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân giữa ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2]. Về con chung: Ông H, bà T thống nhất vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn H T, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2007 đang sống với ông H và Nguyễn Thị K A, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2012 đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi cháu K A, đồng ý để ông H tiếp tục nuôi cháu T. Ông H yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay, cháu T đang sống ổn định với ông với ông H và được đi học đàng hoàng. Tòa án cũng đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu T và nguyện vọng của cháu muốn sống

với cha. Còn cháu K A từ nhỏ đã sống ổn định với bà T. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của bà T là ông H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, bà T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K A.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không có, nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Cẩm T.

[1]. Bà Cao Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

[2]. Ông H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn H T, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2007. Bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị K A, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2012. Cháu T đang sống với ông H, cháu Anh đang sống với bà T.

Ông H, bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về án phí: Bà Cao Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0013204 ngày 05/01/2017

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà T còn phải nộp thêm 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã đóng dấu và ký tên)

Lại Hiệp Phong

